



Cathay United Bank

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

CAPITAL ADEQUACY RATIO INFORMATION DISCLOSURE

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM – THÔNG TƯ 41/2016/TT-NHNN
STATE BANK OF VIETNAM – CIRCULAR 41/2016/TT-NHNN

QUY ĐỊNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI
PRESCRIBING THE CAPITAL ADEQUACY RATIO FOR OPERATIONS OF BANKS AND/OR FOREIGN BANK BRANCHES

Ngày báo cáo: Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Reporting date: June 30th 2023

MỤC LỤC

Table of contents

I. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn	4
<i>Scope of measurement of capital adequacy ratio.....</i>	4
1.1 Nội dung định tính	4
<i>Qualitative disclosures</i>	4
1.2 Nội dung định lượng.....	5
<i>Quantitative disclosures</i>	5
II. Cơ cấu vốn tự có	6
<i>Regulatory capital structure</i>	6
2.1 Nội dung định tính	6
<i>Qualitative disclosures</i>	6
2.2 Nội dung định lượng.....	7
<i>Quantitative disclosures</i>	7
III. Tỷ lệ an toàn vốn	8
<i>Capital adequacy ratio.....</i>	8
3.1 Nội dung định tính	8
<i>Qualitative disclosures</i>	8
3.2 Nội dung định lượng.....	9



Quantitative disclosures	9
IV. Rủi ro tín dụng	10
Credit risk	10
4.1 Nội dung định tính	10
Qualitative disclosures	10
4.2 Nội dung định lượng	14
Quantitative disclosures	14
V. Rủi ro hoạt động	24
Operational risk	24
5.1 Nội dung định tính	24
Qualitative disclosures	24
5.2 Nội dung định lượng	26
Quantitative disclosures	26
VI. Rủi ro thị trường	28
Market risk	28
6.1 Nội dung định tính	28
Qualitative disclosures	28
6.2 Nội dung định lượng	29
Quantitative disclosures	29

I. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn

Scope of measurement of capital adequacy ratio

1.1 Nội dung định tính

Qualitative disclosures

Tại thời điểm 30/06/2023, Ngân hàng Cathay United Bank- chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“CUB Hồ Chí Minh” hoặc “Chi Nhánh”) không có các công ty con hay công ty liên kết nào. Do vậy CUB Hồ Chí Minh chỉ phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn xác định trên cơ sở báo cáo tài chính của Chi Nhánh.

As of June 30th 2023, Cathay United Bank- Ho Chi Minh City Branch (“CUB Ho Chi Minh” or “the Branch”) did not have any subsidiaries or associates. CUB Ho Chi Minh therefore only had to maintain capital adequacy based on financial report of the Branch.

1.2 Nội dung định lượng*Quantitative disclosures*

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Unit: VND billion

Mục Item	Số tiền Amount
<p>Giá trị khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.</p> <p><i>Investment in insurance subsidiaries which is not included in the consolidation upon calculation of consolidated capital adequacy ratio.</i></p>	-

II. Cơ cấu vốn tự có

Regulatory capital structure

2.1 Nội dung định tính

Qualitative disclosures

CUB Hồ Chí Minh là chi nhánh ngân hàng nước ngoài với vốn tự có chủ yếu từ vốn được cấp bởi Ngân hàng Cathay United Bank.

CUB Ho Chi Minh is a foreign bank branch with regulatory capital mainly from capital allocated by Cathay United Bank.

2.2 Nội dung định lượng*Quantitative disclosures*

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Unit: VND billion

Mục Item	Số tiền Amount
Giá trị vốn cấp 1 <i>Tier 1 capital</i>	2,964.38
Giá trị vốn cấp 2 <i>Tier 2 capital</i>	41.47
Giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có <i>Other deductions from calculation of owners' capital</i>	0.00

III. Tỷ lệ an toàn vốn

Capital adequacy ratio

3.1 Nội dung định tính

Qualitative disclosures

a. Quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Capital adequacy ratio calculation process

Chi nhánh Hồ Chí Minh sử dụng chương trình tự động tính CAR hàng tháng. Ngoài ra, chi nhánh Hồ Chí Minh đã ban hành các chính sách và quy tắc nội bộ về quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41 nhằm đưa ra các nguyên tắc, mô hình quản lý tỷ lệ an toàn vốn, cũng như yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin và quy định trách nhiệm của các phòng ban trong việc đo lường, giám sát và báo cáo tỷ lệ an toàn vốn.

CUB Ho Chi Minh uses an automated program for CAR calculation on a monthly basis. In addition, CUB Ho Chi Minh has issued internal policies and rules on capital adequacy ratio management according to Circular 41 in order to set out the principles, ratio management model, information technology system requirements and the responsibilities of stakeholders in the measurement, monitoring and reporting capital adequacy ratio.

b. Kế hoạch vốn của ngân hàng để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư 41

Capital plan to ensure maintenance of the capital adequacy ratio required by SBV Circular 41

CUB Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch vốn và kế hoạch kinh doanh trên cơ sở tỷ lệ an toàn vốn phù hợp theo Thông tư 41.

CUB Ho Chi Minh develop a suitable capital plan and business plan on the basis of an appropriate capital adequacy ratio in accordance with SBV Cir 41.

3.2 Nội dung định lượng*Quantitative disclosures*

Đơn vị: Tỷ VNĐ; %

Unit: VND billion; %

Mục Item	Số tiền Amount
Tỷ lệ an toàn vốn (%) <i>Capital Adequacy Ratio (%)</i>	40.42%
Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 (%) <i>Tier 1 capital adequacy ratio (%)</i>	39.86%
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng <i>Risk-weighted assets for credit risk</i>	7,224.60
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác <i>Risk-weighted assets for counterparty credit risk</i>	1.21
Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường <i>Capital requirements for market risk</i>	0.00
Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động <i>Capital requirements for operational risk</i>	16.90

IV. Rủi ro tín dụng

Credit risk

4.1 Nội dung định tính

Qualitative disclosures

a. Trình bày tóm tắt Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Summary of credit risk management policies

Khung quản trị rủi ro

Credit risk management framework

CUB Hồ Chí Minh tuân thủ theo khung quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng mẹ Cathay United Bank. Khung quản trị này bao gồm các chính sách, hướng dẫn và quy trình bao quát tất cả các khía cạnh của vòng đời tín dụng từ xác định khách hàng mục tiêu, xếp hạng rủi ro, phê duyệt ban đầu, nhận tài sản bảo đảm đến giám sát sau vay và quản lý nợ có vấn đề.

CUB Ho Chi Minh follows the credit risk management framework of the parent Cathay United Bank. The framework is defined by policies, guidelines and procedures covering all aspects of the credit life cycle from identifying target clients, initial approval and risk grading, taking collaterals, through to ongoing credit monitoring (post-loan management) and problem debt management.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Internal credit risk rating system

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (CreditLens) được sử dụng để ước tính xác suất vỡ nợ của từng khách hàng mà không tính đến các yếu tố giảm thiểu rủi ro như tài sản đảm bảo, bảo lãnh của bên thứ ba hay điều khoản/ điều kiện của hạn mức. Tất cả các khách hàng tín dụng phải được xếp hạng tín dụng và hạng này phải được cập nhật tối thiểu hàng năm.

The internal credit rating system (CreditLens) is used to estimate the probability of default of the clients individually, without consideration of credit enhancements, including collateral, third party guarantee, terms and conditions of the facility. Every counterparty must have a risk rating which must be updated at least annually.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ là một công cụ quản lý rủi ro quan trọng nhằm:

Credit Risk Rating system is a critical risk management tool to:

- Đánh giá rủi ro vỡ nợ hay khả năng đối tác không thực hiện các nghĩa vụ tín dụng;
Assess the risk of default, or the likelihood of a counterparty failing to meet its credit obligations;
- Xếp hạng rủi ro vỡ nợ bằng cách ấn định hạng tín dụng để thể hiện khả năng trả nợ của khách hàng;
Rate the risk of default by assigning a risk grade to indicate the extent of counterparty's repayment ability;
- Theo dõi rủi ro vỡ nợ bằng cách giám sát sự biến động hạng tín dụng của đối tác.
Track the risk of default by monitoring the migration of counterparty's risk grade.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ kết hợp phương pháp tiếp cận định tính và định lượng với các yếu tố như tình hình tài chính, cổ đông và ban lãnh đạo để thực hiện xếp hạng tín dụng. Phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ cũng như tính chính xác và hiệu quả của mô hình xếp hạng tín dụng được kiểm soát tập trung bởi bộ phận quản lý rủi ro của ngân hàng mẹ.

The internal risk rating system combines a qualitative and quantitative approach and factors in amongst others, financials, shareholders, and management to generate the internal credit rating. The methodology of internal rating, model robustness and model effectiveness are centrally controlled by the Risk Management Department of the Head Office.

Kiểm soát rủi ro tín dụng*Credit risk monitoring*

Các hạn mức rủi ro tín dụng (ví dụ hạn mức về mức độ tập trung ngành, chất lượng tín dụng) được thiết lập để đặt ra các giới hạn rủi ro mà Chi nhánh sẽ tuân thủ. Việc phân loại tài sản có và trích lập dự phòng được thực hiện theo các quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam. Báo cáo rủi ro tín dụng được thực hiện định kỳ để xem xét tính hiệu quả của các quy trình/ mức độ tuân thủ các giới hạn, nêu lên các vấn đề cần chú ý và giám sát xu hướng danh mục cho vay bởi tất cả các cấp quản lý.

Credit risk limits (e.g. industry concentration, credit quality) are established in order to set out the risk boundaries that the Branch is going to observe. Debt classification and provision are to follow the relevant regulations of the State Bank of Vietnam. Periodic reporting provides confirmation on the effectiveness of processes/ compliance to the limits, highlights emerging issues requiring attention and allows monitoring of portfolio trends by all levels of management.

- b. Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn

List of external rating agencies used for the purpose of calculating the capital adequacy ratio.

STT <i>No.</i>	Tên doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập <i>Name of external rating agencies</i>
1	Moody's
2	Standard & Poor's
3	Fitch Ratings

- c. Danh mục các tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba, bù trừ số dư nội bảng và sản phẩm phái sinh tín dụng đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng

List of collaterals, third-party guarantees, on-balance sheet netting and credit derivatives eligible for being recognized as credit risk mitigation

Tại thời điểm 30/06/2023, CUB Hồ Chí Minh chỉ sử dụng tài sản bảo đảm là tiền gửi để thực hiện giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng tài sản bảo đảm khi tính Tỷ lệ an toàn vốn.

As of June 30th 2023, CUB Ho Chi Minh used only deposits as eligible means of credit risk mitigation in the calculation of Capital Adequacy Ratio.

4.2 Nội dung định lượng*Quantitative disclosures*

- a. Các khoản phải đòi tổ chức tài chính với xếp hạng tín dụng tương ứng và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng

Claims on Financial Institutions with correspondent external credit ratings and risk-weighted assets

Đơn vị: Tỷ VNĐ; %

Unit: VND billion; %

Mục Item	Thứ hạng tín nhiệm External credit rating	Hệ số rủi ro Risk weight (%)	Giá trị chịu rủi ro Exposure	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng Credit Risk- Weighted Assets
Tổ chức tài chính nước ngoài và Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam <i>Overseas Financial Institutions and Foreign Bank Branches operating in Vietnam</i>	AAA tới AA- AAA to AA-	20.00%	-	-
	A+ tới BBB- A+ to BBB-	50.00%	2,364.93	1,182.47
	BB+ tới B- BB+ to B-	100.00%	-	-
	Dưới B- Below B-	150.00%	-	-
Tổ chức Tín dụng Trong nước <i>Domestic Credit Institutions</i>	Thời hạn còn lại từ 3 tháng trở lên	AAA tới AA- AAA to AA-	20.00%	-
		A+ tới BBB- A+ to BBB-	50.00%	-
		BB+ tới BB- BB+ to BB-	80.00%	780.80

Mục Item	Thứ hạng tín nhiệm <i>External credit rating</i>	Hệ số rủi ro <i>Risk weight (%)</i>	Giá trị chịu rủi ro <i>Exposure</i>	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng <i>Credit Risk- Weighted Assets</i>		
	<i>Remaining Maturity of equal or longer than 3 months</i>	B+ tới B- <i>B+ to B-</i>	100.00%	-	-	
		Dưới B- <i>Below B-</i>	150.00%	400.65	600.97	
	Thời hạn còn lại dưới 3 tháng	AAA tới AA- <i>AAA to AA-</i>	10.00%	-	-	
		A+ tới BBB- <i>A+ to BBB-</i>	20.00%	-	-	
		<i>Remaining Maturity of less than 3 months</i>	BB+ tới BB- <i>BB+ to BB-</i>	40.00%	1,352.51	541.00
		B+ tới B- <i>B+ to B-</i>	50.00%	-	-	
		Dưới B- <i>Below B-</i>	70.00%	591.80	414.26	
	Tổng cộng Total				3,363.34	

Tài sản có rủi ro tính theo Rủi Ro Tín Dụng chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư 41

Risk-weighted assets of Credit Risk broken down by credit subjects as prescribed by Article 9 of SBV Circular 41

Rủi Ro Tín Dụng/ Credit Risk

Đơn vị: Tỷ VNĐ; %

Unit: VND billion; %

Các Loại Khoản Phải Đòi (Điều 9) <i>Type of Claim (Clause 9)</i>	Hệ Số Rủi Ro Trung Bình <i>Weighted Average Risk Weight</i>	Tổng Giá Trị Chịu Rủi Ro Đã Điều Chỉnh <i>Total Adjusted Exposure</i>	Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng <i>Credit Risk-Weighted Assets</i>
Tiền Mặt, Vàng và Các Khoản Tương Đương Tiền Mặt <i>Cash, Gold, and Cash Equivalent</i>	0.00%	1.49	0.00
Chính Phủ <i>Governments</i>			
Chính Phủ Việt Nam, Ngân Hàng Nhà Nước, Kho Bạc Nhà Nước, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh/Thành Phố, các Ngân Hàng Chính Sách <i>Vietnamese Government, State Bank of Vietnam, State Treasury, Province's or City's People Committee, Policy Banks</i>	0.00%	153.27	0.00
Công Ty Quản Lý Tài Sản của các Tổ Chức Tín Dụng Việt Nam (VAMC), Công Ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC) <i>Vietnam Asset Management Company (VAMC), Debt and Trading Company (DATC)</i>	-	-	-
Chính Phủ Nước Ngoài, Ngân Hàng Trung Ương và các Tổ Chức Công Lập của Chính Phủ <i>Overseas Governments, Central Banks and Non-Central Government Public Sector Entities</i>	-	-	-

Các Loại Khoản Phải Đòi (Điều 9) <i>Type of Claim (Clause 9)</i>	Hệ Số Rủi Ro Trung Bình <i>Weighted Average Risk Weight</i>	Tổng Giá Trị Chịu Rủi Ro Đã Điều Chính <i>Total Adjusted Exposure</i>	Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng <i>Credit Risk-Weighted Assets</i>
Các Tổ Chức Công Lập của Chính Phủ <i>Non-Central Government Public Entities</i>	-	-	-
Tổ Chức Tài Chính <i>Financial Institutions</i>			
Ngân Hàng Phát Triển Đa Phương <i>Multilateral Development Banks</i>	-	-	-
Tổ Chức Tài Chính Nước Ngoài, Chi Nhánh Ngân Hàng Nước Ngoài tại Việt Nam <i>Overseas Financial Institutions, Foreign Bank Branches in Vietnam</i>	50.00%	2,364.93	1,182.47
Tổ Chức Tài Chính Trong Nước (Ngoại Trừ Giao Dịch Reverse Repo) <i>Local Financial Institutions (Except For Reverse Repo)</i>	70.00%	3,125.75	2,180.87
Doanh Nghiệp <i>Corporations</i>			
Chứng Khoán Kinh Doanh & Đầu Tư <i>Securities Trading & Investment</i>	150.00%	112.05	168.07
Công Ty Cổ Phần bình thường <i>General Corporations</i>	105.00%	3,404.65	3,575.33
Khoản Cấp Tín Dụng Chuyên Biệt cho Tài Trợ Dự Án Kinh Doanh Bất Động Sản	-	-	-

Các Loại Khoản Phải Đòi (Điều 9) <i>Type of Claim (Clause 9)</i>	Hệ Số Rủi Ro Trung Bình <i>Weighted Average Risk Weight</i>	Tổng Giá Trị Chịu Rủi Ro Đã Điều Chỉnh <i>Total Adjusted Exposure</i>	Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng <i>Credit Risk-Weighted Assets</i>
<i>Specialized Lending for Income Producing Real Estate</i>			
Khoản Cấp Tín Dụng Chuyên Biệt khác <i>Other Specialized Lending</i>	-	-	-
Công Ty Cho Thuê Tài Chính <i>Financial Leasing Companies</i>	-	-	-
Khoản Phải Đòi được Đảm Bảo bằng Bất Động Sản <i>Claims Secured by Real Estate</i>	176.00%	5.64	9.93
Cầm Cỡ <i>Mortgage</i>	-	-	-
Bán Lẻ <i>Retail</i>	-	-	-
Nợ Xấu <i>Bad Debt</i>			
Nợ Xấu của các Khoản Vay Cầm Cỡ <i>Bad Debts for Mortgage Loans</i>	-	-	-
Nợ xấu khác <i>Other bad debts</i>	150.00%	25.53	38.29
Khác <i>Others</i>	100.00%	69.64	69.64
Tổng Cộng <i>Total</i>	78.00%	9,262.95	7,224.60

Rủi Ro Tín Dụng Đối Tác/ Counterparty Credit Risk

Đơn vị: Tỷ VNĐ; %

Unit: Billions of VND; %

Mục Item	Hệ Số Rủi Ro Trung Bình Weighted Average Risk Weight	Tổng Giá Trị Chịu Rủi Ro Đã Điều Chỉnh Total Adjusted Exposure	Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng Credit Risk-Weighted Assets
Hoạt Động Tự Doanh Propriety Trading	0.00	0.00	0.00
Giao Dịch Repo và Reverse Repo Repo and Reverse Repo	0.00	0.00	0.00
Giao Dịch Phòng Ngừa Rủi Ro Hedging Transactions for Risk Management Purpose	80.00%	1.51	1.21
Giao Dịch Mua Bán Ngoại Tệ, Tài Sản Tài Chính để Phục Vụ Nhu Cầu của Khách Hàng và Đối Tác FX Transactions and Financial Assets for Serving Needs of Customers and Counterparties	0.00	0.00	0.00
Tổng Cộng Total	80.00%	1.51	1.21

b. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành

Credit Risk-Weighted Assets by Industry

Đơn vị: Tỷ VNĐ; %

Unit: Billions of VND; %

Ngành Industry	Hệ Số Rủi Ro Trung Bình Weighted Average Risk Weight	Tổng Giá Trị Chịu Rủi Ro Đã Điều Chỉnh Total Adjusted Exposure	Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng Credit Risk- Weighted Assets
Tài Chính, Ngân Hàng và Bảo Hiểm <i>Financial, Banking and Insurance Activities</i>	63.00%	5,602.73	3,531.41
Sản Xuất và Phân Phối Điện, Gas, Nước Nóng, Hơi Nước và Điều Hòa Không Khí <i>Manufacture and Distribution of Electricity, Gas, Hot Water, Steam and Air Conditioning</i>	120.00%	73.17	87.81
Sản Xuất <i>Manufacturing</i>	104.00%	3,047.07	3,175.83
Các hoạt động dịch vụ khác <i>Other services activities</i>	160.00%	28.90	46.24
Hoạt Động Kinh Doanh Bất Động Sản <i>Real Estate Activities</i>	176.00%	5.64	9.93
Giao Thông Vận Tải và Kho Bãi <i>Transportation and Storage</i>	80.00%	27.98	22.38
Bán Sỉ và Bán Lẻ; Sửa Chữa Ô Tô, Xe Máy, và Các Phương Tiện Cơ Giới khác	105.00%	217.68	228.31

Ngành Industry	Hệ Số Rủi Ro Trung Bình Weighted Average Risk Weight	Tổng Giá Trị Chịu Rủi Ro Đã Điều Chỉnh Total Adjusted Exposure	Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng Credit Risk- Weighted Assets
<i>Wholesale and Retail Trade; Repair of Motor Vehicles, Motorcycles and other Motor Vehicles</i>			
<i>Các ngành công nghiệp khác Other industries</i>	28.00%	188.63	53.04
Tổng Cộng Total	78.00%	9,191.82	7,154.96

- c. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định tại Điều 9 Thông tư 41.

Credit Risk-Weighted Assets (including On-balance sheet and Off-balance sheet items) before and after Credit risk mitigation as prescribed by Article 9 of SBV Circular 41.

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Unit: VND billion

Mục Item	Số tiền Amount
Tổng Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng Nội Bảng trước khi Giảm Thiểu Rủi Ro Tín Dụng <i>Total On-Balance Sheet Credit Risk-Weighted Assets Before CRM</i>	6,905.04
Tổng Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng Ngoại Bảng trước khi Giảm Thiểu Rủi Ro Tín Dụng <i>Total Off-Balance Sheet Credit Risk-Weighted Assets before CRM</i>	727.70
Giảm Thiểu Rủi Ro Tín Dụng <i>Credit Risk Mitigation</i>	628.11
Tổng Tài Sản Tính Theo Rủi Ro Tín Dụng sau khi Giảm Thiểu Rủi Ro Tín Dụng <i>Total Credit Risk-Weighted Assets after CRM</i>	7,224.60

Giảm Thiểu Rủi Ro Tín Dụng/ Credit Risk Mitigation Breakdown

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Unit: VND billion

Mục <i>Item</i>	Số tiền <i>Amount</i>
Tài sản bảo đảm <i>Collaterals</i>	628.11
Bù Trừ Số Dư Nội Bảng <i>On-Balance Sheet Netting</i>	-
Bảo Lãnh của Bên Thứ Ba <i>Third-Party Guarantee</i>	-
Sản Phẩm Phái Sinh <i>Credit Derivatives</i>	-
Tổng Cộng <i>Total</i>	628.11

V. Rủi ro hoạt động

Operational risk

5.1 Nội dung định tính

Qualitative disclosures

a. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Summary of operational risk management policies

Nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động tại Chi nhánh tuân theo hướng dẫn / chính sách / nguyên tắc thiết lập bởi Trụ sở chính. Để theo dõi và báo cáo, Chi nhánh tiến hành Tự Đánh Giá Kiểm Soát Rủi Ro Hàng Năm ("RCSA") do Trụ sở khởi xướng để nhận diện và đánh giá rủi ro ban đầu trong các hoạt động chính, đánh giá hiệu quả của kiểm soát nội bộ và xem xét hành động thích hợp đối với các rủi ro còn lại. Chi nhánh cũng thực hiện giám sát và báo cáo hàng tháng và hàng quý về các Chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI) và báo cáo kịp thời các sự kiện hoạt động (nghĩa là các sự kiện gây ra tổn thất thực tế / tiềm năng / tiềm ẩn/ không thể định lượng được xảy ra do quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc không được tuân theo, lỗi do con người, hệ thống hoặc do lỗi các sự kiện bên ngoài). Tổng giám đốc chi nhánh sẽ xác nhận sự cố thông qua hệ thống, báo cáo lên Trụ sở chính và trình bày lên cấp quản lý thích hợp. Tất cả sự cố đã báo cáo sẽ được theo dõi ít nhất là hàng tháng cho đến khi được giải quyết / hoàn thành.

Operational risk management rules at Ho Chi Minh branch follows the guideline/ policies/ principles established by Head Office. For monitoring and reporting, the Branch conducts the annual Risk Control Self-Assessment ("RCSA") initialized by H.O to identify and assess the original risk in our key areas, evaluate the effectiveness of internal controls and consider appropriate action for the residual risks. The Branch also monitors and report monthly and quarterly for Key risk indicators (KRIs) and report on time for the operational risk events (actual/ potential/ contingent/ non-quantifiable losses suffered by CUB resulting from inadequate or failed internal processes, people and systems or from

external events). The Branch Head shall endorse the event report via the system and submit for the Head Office's further attention and proper escalation. All reported events shall be tracked on at least monthly basis until resolution/completion.

b. Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

Summary of the strategy for Business Continuity Management

Chi nhánh thiết lập Kế Hoạch Kinh Doanh Liên Tục ("BCP") để nỗ lực cung cấp dịch vụ liên tục khi gặp sự kiện gây gián đoạn kinh doanh. Kế hoạch bao gồm các hoạt động quan trọng như: chuyển tiền và gửi tiền, tín dụng, tài trợ nguồn vốn (MM và FX). Mục đích của BCP là giảm thiểu rủi ro gián đoạn dịch vụ do thảm họa, dịch bệnh nghiêm trọng, đình công, lỗi kỹ thuật, thanh khoản vốn không đủ hoặc các sự cố khác và để giảm thiểu tổn thất tài chính và phục vụ khách hàng. Nội dung của BCP bao gồm Nhóm quản lý khủng hoảng đơn vị ("CMT"), đánh giá kịch bản rủi ro, Phân tích tác động kinh doanh ("BIA"), Kế hoạch khôi phục kinh doanh (BRP), đào tạo và thử nghiệm BCP. BRP phải đảm bảo khôi phục các hoạt động bình thường trong một khoảng thời gian thích hợp.

The Branch establishes the Business Continuity Plan ("BCP") to make great effort to provide continuous services when encounter event that cause business disruptions. The plan cover for critical activities includes: remittance and deposit, credit, funding (MM & FX) transactions. The purpose of BCP is to mitigate the risk of service disruptions caused by various disasters, critical epidemics, staff strikes, technical failure, insufficient capital liquidity or other incidents and to minimize financial losses and serve customers. The content of BCP includes Unit Crisis Management Team ("CMT"), risk scenario assessment, Business Impact Analysis ("BIA"), Business Recovery Plan ("BRP"), BCP training and drill. BRP has to ensure the restoration of normal operations within an appropriate period of time.

5.2 Nội dung định lượng*Quantitative disclosures*

- a. Chỉ số kinh doanh và các cấu phần của chỉ số kinh doanh

Business indicators and Business indicator components

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Unit: VND billion

Năm Year	IC (a)	SC (b)	FC (c)	BI (d) (d) = (a)+(b)+(c)
Tháng 06 Năm 2023 <i>June 2023</i>	191.72	3.73	1.58	197.03
Tháng 06 Năm 2022 <i>June 2022</i>	72.81	4.74	1.79	79.34
Tháng 06 Năm 2021 <i>June 2021</i>	56.38	3.89	1.39	61.67

Thuyết minh / Illustration:

BI: Chỉ số kinh doanh / *Business index*

IC: Giá trị tuyệt đối của Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự trừ Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự / *Absolute value of interest income and its equivalents minus interest cost and its equivalents.*

SC: Tổng giá trị của Thu nhập từ hoạt động dịch vụ, Chi phí từ hoạt động dịch vụ, Thu nhập hoạt động khác, Chi phí hoạt động khác / *Total value of income earned from service activities, costs incurred from service activities, other operating income and costs.*

FC: Tổng của giá trị tuyệt đối Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, mua bán chứng khoán kinh doanh và mua bán chứng khoán đầu tư / *Total absolute value of Net Profit/Loss from foreign exchange, trading securities and investment securities trading activities.*

b. Vốn yêu cầu cho Rủi Ro Hoạt Động

Capital requirement for Operational Risk

Đơn vị: Tỷ VNĐ

Unit: VND billion

Mục Item	Số tiền Amount
Vốn yêu cầu cho Rủi Ro Hoạt Động <i>Capital requirement for Operational Risk</i>	16.90

VI. Rủi ro thị trường

Market risk

6.1 Nội dung định tính

Qualitative disclosures

a. Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Summary of market risk management policies

CUB Hồ Chí Minh tuân thủ theo khung quản lý rủi ro thị trường của ngân hàng mẹ Cathay United Bank. Khung quản lý này đưa ra các nguyên tắc rõ ràng để quản lý rủi ro thông qua các chính sách, hướng dẫn, cơ cấu các hạn mức để hỗ trợ việc giám sát các rủi ro.

CUB Ho Chi Minh follows market risk management framework of the parent Cathay United Bank. The market risk management framework sets out clear principles for risk management via the set of policies, guidelines, limit structures that support to monitor risks.

Quản lý rủi ro thị trường yêu cầu:

The management of market risk requires:

- Quy tắc phân loại rõ ràng sổ kinh doanh và sổ ngân hàng;
Clear trading book and banking book classification rules;
- Mô hình hạn mức toàn diện giám sát các rủi ro thị trường trọng yếu;
A comprehensive limit framework that control all material market risks;
- Bộ phận quản lý rủi ro thị trường độc lập với các trách nhiệm cụ thể;
An independent Market Risk function with specific responsibilities;

Cathay United Bank

- Mô hình định lượng hoàn thiện được bổ sung bởi mô hình kiểm tra sức chịu đựng;
A robust quantification approach supplemented by comprehensive stress testing;
- Cơ chế báo cáo rủi ro thị trường thường xuyên và hiệu quả.
Regular monitoring and effective reporting of market risk to management.

b. Chiến lược tự doanh

Proprietary trading strategy

CUB Hồ Chí Minh không thực hiện tự doanh trong nửa đầu năm 2023.

CUB Ho Chi Minh did not conduct proprietary trading during the 1st half-year 2023.

c. Danh mục thuộc sổ kinh doanh

List of items in the trading book

Sổ Kinh Doanh của Ngân hàng hiện có danh mục sau:

The trading book of CUB Ho Chi Minh consists of the following:

- Danh mục ngoại hối: bao gồm các giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch đối ứng với các giao dịch này.
Foreign exchange transactions: include spot foreign currency transactions to serve the needs of customers, counterparties, together with their corresponding back-to-back transactions.

6.2 Nội dung định lượng

Quantitative disclosures

Đơn vị: Tỷ VNĐ
Unit: VND billion

Mục Item	Số tiền Amount
Vốn Yêu Cầu cho Rủi Ro Lãi Suất <i>Capital for Interest Rate Risk</i>	-
Vốn Yêu Cầu cho Rủi Ro Giá Cổ Phiếu <i>Capital for Equity Price Risk</i>	-
Vốn Yêu Cầu cho Rủi Ro Ngoại Hối <i>Capital for Foreign Exchange Risk</i>	-
Vốn Yêu Cầu cho Rủi Ro Giá Hàng Hóa <i>Capital for Commodity Price Risk</i>	-
Vốn Yêu Cầu cho Giao Dịch Quyền Chọn <i>Capital for Options</i>	-
Tổng Cộng Total	-

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 11 tháng 09 năm 2023

NGÂN HÀNG CATHAY UNITED BANK – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



LU WEI CHIEH